**ĐÁP ÁN LÝ 10 – CKI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1:  1,0đ | Khối lượng là đại lượng đặc trưng cho mức quán tính của vật.  Khối lượng càng lớn thì gia tốc của vật càng nhỏ, tức vật càng khó thay đổi vận tốc (vật có quán tính càng lớn). Ngược lại, khối lượng càng nhỏ thì gia tốc của vật càng lớn thì càng dễ thay đổi vận tốc (vật có quán tính càng nhỏ). | 0,25  0,25  0,25  0,25 (đủ 2 ý trong 2 ngoặc đơn) |
| Câu 2:  1,5đ | Gia tốc của vật có cùng hướng với lực tác dụng lên vật./ Độ lớn của gia tốc tỉ lệ thuận với độ lớn của lực/ và tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật.  Hay  Trong đó:  F: Lực tác dụng lên vật (N)  m: Khối lượng của vật (kg)  a: Gia tốc của vật (m/s2) | 0,25x3  0,25  0,25x2 |
| Câu 3:  1,5đ | **Lực đẩy Archimedes** là lực nâng của chất lỏng tác dụng lên vật chìm trong chất lỏng.  Lực đẩy Archimedes có:  - điểm đặt tại vị trí trùng với trọng tâm của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.  - phương thẳng đứng.  - chiều từ dưới lên trên.  - độ lớn bằng trọng lượng phần chất lỏng bị chiếm chỗ.  FA = ρ.g.V  FA: Lực đẩy Archimedes (N)  ρ: Khối lượng riêng của chất lỏng (kg/m3)  g: gia tốc rơi tự do (m/s2)  V: Thể tích chất lỏng bị chiếm chỗ (m3) | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| Câu 4:  3đ | a. 2.a.s = v2 - vo2  => v =  v = = 12 (m/s2)  b.- Hình vẽ: có đủ 04 lực, trục xOy  Chiếu lên trục Oy:  N = P = m.g = 500.10 = 5000 (N)  Chiếu lên trục Ox:  F - Fms = ma  F = m.a + μ.N = 500.0,8 + 0,05.5000  => F = 650 (N)  c. xe chuyển động thẳng đều a’ = 0  =>F’ = Fms = (N) | 0,25  0,5  0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| Câu 5:  1,5đ | a. Vẽ hình  b. Khi vật cân bằng hoặc áp dùng định luật 2 Niuton    T = P  =>T = m.g = 12.10 = 120 (N)  c. Tgh = 150(N)  Dây không đứt vì T < Tgh nên | 0,5  0,25x2  0,25x2 |
| Câu 6:  1,5đ | b. mvật =V vật.ρvật = 2400.2 = 4800 (kg)  a. Vì vật nhúng hoàn toàn nên V=V vật = 2 (m3)  => FA= ρnước.V.g = 1000\*2\*10 = 20000 (N) | 0,25x2  0,25  0,25x3 |